

Cụm liên kết ngành:

Từ kinh nghiệm quốc tế đến công tác quy hoạch ở Việt Nam

ThS. VŨ VĂN HÒA

Trường Ban Các vấn đề quốc tế
Viện Chiến lược phát triển

Lý thuyết về cụm liên kết ngành và thực tiễn phát triển nó trên thế giới

Có rất nhiều định nghĩa khác nhau về CLKN. Theo chúng tôi, định nghĩa của Viện Chiến lược và Năng lực cạnh tranh, Khoa Kinh doanh, Đại học Harvard xây dựng dựa trên định nghĩa ban đầu của M. Porter (1990) có tính bao hàm đầy đủ nhất về nội dung của một CLKN. Theo đó, "CLKN là sự tập trung về địa lý của các công ty có liên kết với nhau, các nhà sản xuất chuyên môn hóa, các nhà cung cấp dịch vụ và các thể chế liên quan về một lĩnh vực nhất định, hiện diện trong một quốc gia hay một vùng lãnh thổ".

Các loại CLKN trên thế giới

Christian H. M. Ketels (2003) phân loại các CLKN dưới nhiều khía cạnh: loại sản phẩm và dịch vụ mà chúng sản xuất, động lực của khu vực mà các cụm nằm trong đó, giai đoạn phát triển, và môi trường kinh doanh...

Ở cấp độ đầu tiên, các CLKN có thể được phân loại theo sản phẩm hoặc dịch vụ mà chúng cung cấp. Có các CLKN trong lĩnh vực ô tô, dịch vụ tài chính, du lịch, gốm sứ... Trong phạm vi các cụm này, nghiên cứu gần đây đã chỉ ra những vị trí khác nhau có vai trò không giống nhau. Những tranh luận gần đây về các CLKN tập trung vào những cụm có tầm

Khái niệm cụm liên kết ngành (Cluster Development) ra đời đã nhanh chóng thu hút sự chú ý của các chính phủ, các chuyên gia tư vấn, và các học giả kể từ khi lần đầu tiên được M. Porter đề xuất năm vào năm 1990. Kết quả là, một số lượng lớn các sáng kiến về cụm liên kết ngành (CLKN) ngành đã được khởi xướng từ những năm 1990, và đến nay vẫn đang tiếp tục phát triển. Ở Việt Nam, nhiều nghiên cứu đã kiến nghị cần sớm triển khai áp dụng cách tiếp cận phát triển CLKN vào công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng để góp phần đổi mới công tác quy hoạch nói chung, và qua đó, các CLKN, với những ưu việt của nó, sớm được hình thành và phát triển.

quan trọng quốc tế và có vị thế thị trường hàng đầu thế giới, như các cụm tài chính ở New York và London, cụm truyền thông tại Hollywood, cụm IT tại thung lũng

Silicon, cụm ô tô tại miền Nam nước Đức và Detroit, cụm viễn thông tại Stockholm và Phần Lan, và cụm công nghiệp dệt, thời trang tại miền Bắc nước Ý.



Los Angeles - nơi tập trung các sản phẩm sinh học

Tại Mỹ, cùng cơ chế hoạt động trong phạm vi một quốc gia, có các cụm khoa học đời sống: New Jersey là quê hương của hầu hết các công ty dược phẩm lớn; Minneapolis/St. Paul và Boston chuyên về các thiết bị y tế; Các sản phẩm sinh học tập trung ở Los Angeles và San Francisco; Các trung tâm nghiên cứu là Khu vực Vịnh San Francisco; Boston chuyên về các nhóm bệnh đặc biệt và Tam giác Nghiên cứu ở Bắc Carolina và San Diego...

Những ví dụ trên chỉ ra rằng, thậm chí trong một lĩnh vực có trước, các CLKN vùng có thể thành công bằng cách khẳng định vai trò riêng của mình thông qua việc nâng cao vị thế hiện có.

Ở cấp độ thứ hai, các CLKN được phân theo động lực địa điểm mà các ngành công nghiệp cấu thành của nó phụ thuộc vào. Các ngành công nghiệp khác nhau trong cùng một vùng có thể lựa chọn địa điểm. Nhiều ngành công nghiệp gắn với địa điểm theo nhu cầu của khách hàng. Những ngành công nghiệp "địa phương" này chỉ phục vụ các thị trường địa phương và được phân bố không gian theo phân bố dân cư. Chúng có thể tụ họp lại trong một không gian địa lý hẹp hơn như một phần của thành phố - chủ yếu nhằm thu hút khách hàng - nhưng hiệu quả này thường không đủ mạnh để tác động lên mô hình địa điểm ở các vùng. Các ngành công nghiệp khác lại gắn với địa điểm do nhu cầu về nguồn tài nguyên thiên nhiên. Những ngành công nghiệp "phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên" này phục vụ thị trường toàn cầu và được tập trung lại theo sự hiện diện của nguồn tài nguyên. Cuối cùng, có nhiều ngành công nghiệp lựa chọn địa điểm theo chất lượng của môi trường kinh doanh ở CLKN cụ thể. Những ngành công nghiệp "có khả năng thương mại" này phục vụ các thị trường ở nhiều vùng, nhiều nước, và tập trung ở các vùng địa lý. Các hiệu ứng CLKN trong những ngành công nghiệp này rất lớn và sự hiện diện của nó là một phần quan trọng tạo nên tính hấp dẫn

của một địa điểm cụ thể. Hiểu được sự khác nhau giữa các loại ngành công nghiệp này rất quan trọng, bởi nó ảnh hưởng đến các loại hình chính sách liên quan nhằm cải thiện chúng.

Ở cấp độ thứ ba, các CLKN có thể được phân loại theo giai đoạn phát triển mà chúng đạt được. Giai đoạn phát triển phụ thuộc vào hai khía cạnh: Đầu tiên là chất lượng của môi trường kinh doanh bên ngoài mà CLKN đang hoạt động trong đó. Các nhà nghiên cứu xem xét các CLKN ở các nền kinh tế kém phát triển hơn, cũng như các vùng kém phát triển hơn của các nền kinh tế phát triển như các khu vực nông thôn hay các thành phố nội đô. Các ý kiến vẫn đang tranh luận về vấn đề, liệu các CLKN có tồn tại trong những môi trường mà nếu không có nó thì sẽ không có các hoạt động kinh tế trình độ cao? Hầu hết các tài liệu lý thuyết đề xuất rằng, các CLKN là nhân tố ở mọi giai đoạn phát triển kinh tế, nhưng trong những môi trường không giúp hoạt động tốt, chúng có xu hướng yếu hơn và hẹp hơn. Thứ hai, giai đoạn phát triển phụ thuộc vào sự tiến bộ mà các CLKN đạt được trong việc phát huy tiềm năng của môi trường kinh doanh thông qua hợp tác tích cực và các hoạt động nội tại khác. Các nhà nghiên cứu tập trung vào vai trò của các nhân tố văn hóa, thể chế, và lãnh đạo cá nhân. Có quan điểm mạnh mẽ trong các tài liệu cho rằng, động lực CLKN không phải xảy ra một cách tự nhiên, mà chúng phụ thuộc và có thể được củng cố bởi hành động có chủ định.

Các cụm liên kết năng lực cạnh tranh ở Pháp

Chiến lược phát triển cụm liên kết năng lực cạnh tranh (CLKNLCT) được triển khai ở châu Âu nhằm thực hiện mục đích đặt ra tại Hội nghị Thượng đỉnh Lisbon 2000, nhằm biến châu Âu thành một nền kinh tế có năng lực cạnh tranh trên thế giới.

Ở Pháp, những thay đổi về môi trường kinh tế quốc tế đã thúc đẩy quốc gia này triển khai một chính sách liên ngành quy mô lớn, nhằm

khai thác các nhân tố then chốt về năng lực cạnh tranh của quốc gia. Ngày 13/12/2002, Ủy ban Quy hoạch Vùng (CIDAT) đã nhóm họp và ra quyết định về một chiến lược mới dựa vào sự phát triển các CLKN năng lực cạnh tranh để thúc đẩy khai thác tiềm năng và tạo điều kiện nuôi dưỡng các hoạt động mới có năng lực cạnh tranh quốc tế. Chiến lược này đã được triển khai dựa vào sự hợp tác tích cực của các doanh nghiệp, các trung tâm nghiên cứu và các cơ sở đào tạo.

- Chiến lược về CLKNLCT

CLKNLCT ở Pháp được xác định là sự tập trung về địa lý của các doanh nghiệp, các cơ sở đào tạo và các đơn vị nghiên cứu của nhà nước và tư nhân cùng hợp tác trong các dự án sáng tạo. Chiến lược này nhằm ba mục tiêu chính như sau: Phát huy tiềm năng tăng trưởng của nền kinh tế; Khắc phục một cách có hiệu quả tình trạng suy thoái của công nghiệp hóa và những khiếm khuyết trong phân bố các nguồn lực; Duy trì năng lực công nghệ của Pháp ở trình độ cao nhất.

Trên cơ sở "danh mục các dự án phát triển kinh tế" do Chính phủ ban hành, ngày 12/7/2005, Ủy ban Liên bộ về Phát triển và Quy hoạch Vùng của Pháp đã lựa chọn và chính thức gắn mác "Cụm liên kết năng lực cạnh tranh" cho các dự án. Các dự án được lựa chọn bao trùm các lĩnh vực công nghệ mới, như: công nghệ nano, công nghệ sinh học, công nghệ vi điện tử và các lĩnh vực đã sẵn có như ô tô, xe máy và hàng không vũ trụ...

Mỗi một CLKNLCT được giám sát bởi một ủy ban điều phối do ủy ban điều phối vùng thiết lập. Ủy ban này chịu trách nhiệm xây dựng nên một hợp đồng khung để xác định các hoạt động, chính sách, các ưu tiên nghiên cứu và các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động của CLKNLCT.

- Hỗ trợ và tài trợ các CLKNLCT

Các CLKNLCT có thể có các hình pháp lý khác nhau: hiệp hội theo đạo luật hiệp hội 1901, nhóm



Một góc Cảng Hải Phòng

lợi ích kinh tế (EIG), hoặc nhóm lợi ích khoa học (SIG).

Chính phủ cung cấp ba cơ chế nhà nước để hỗ trợ thực hiện chính sách CLKNLCT, các cơ chế này được thiết kế nhằm: (1) Lôi kéo sự tham gia của các công trình nghiên cứu của nhà nước vào các chương trình nuôi dưỡng sự hợp tác giữa các phòng thí nghiệm của nhà nước và các phòng thí nghiệm của các tập đoàn, qua đó nhằm đóng góp vào chuyển giao công nghệ từ các kết quả nghiên cứu cho giới doanh nghiệp: Cục Nghiên cứu Quốc Gia. (2) Phát triển hệ thống nghiên cứu và triển khai (R&D) với các dự án thực hiện các chương trình phát triển chủ chốt đồng tài trợ với khu vực tư nhân: Cục Sáng chế Công nghiệp. (3) Hỗ trợ các doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ (SMEs): Nhóm OSEO.

Trong giai đoạn từ năm 2006 - 2008, tổng cộng khoản ngân sách 1,5 tỷ Euro, bao gồm 300 triệu Euro tiền an sinh xã hội và miễn giảm thuế đã được chi cho các CLKNLCT.

Sau đánh giá thực hiện chính sách CLKNLCT giai đoạn một với những kết quả tích cực, Chính phủ Pháp đã quyết định phân bổ khoản ngân sách 1,5 tỷ Euro để thực hiện giai đoạn hai (2009-2011).

Hiện nay, ở Pháp có 71 CLKNLCT đã hình thành và phát triển. Điển hình là các CLKNLCT: về giao thông, hàng không và vũ trụ; về công nghệ sinh học và y tế; về nông nghiệp và các nguồn sinh học; về công nghệ thông tin và truyền thông; về năng lượng và môi trường.

Đề xuất ý tưởng phát triển cụm liên kết ngành trong công tác quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng ở Việt Nam

Từ những vấn đề lý thuyết như đã trình bày và thực tiễn phát triển vùng ở nước ta, chúng tôi phác họa ý tưởng hình thành và phát triển các CLKN như sau:

Thứ nhất, ở khu vực cảng Hải Phòng. Cảng Hải Phòng có công suất gần 30 triệu tấn/năm, có thể tăng lên gần 100 triệu tấn/năm vào năm 2020, nhưng ở đây công nghiệp cảng còn rất yếu kém. Ngoài cơ sở công nghiệp đóng tàu Bến Bính rất nhỏ, cơ sở đóng tàu Phà Rừng nằm ở ranh giới hai tỉnh Quảng Ninh và Hải Phòng, công nghiệp cảng chưa phát triển đáng kể, công nghiệp bốc xếp còn lạc hậu; công nghiệp sửa chữa tàu biển, tàu thủy gắn với

cảng Hải Phòng chưa có. Trong khi đó, Hải Phòng phát triển chế biến thủy sản, công nghiệp sản xuất dày da. Ngành du lịch biển đang phát triển rất mạnh trên thế giới, Hải Phòng có Cát Bà, có cơ sở du lịch Đồ Sơn, có sân bay Cát Bi có thể nối đường bay thuận lợi tới các địa danh du lịch, vui chơi giải trí nổi tiếng trong khu vực..., nhưng công nghiệp biển và du lịch không được gắn kết với nhau. Chúng ta chưa có cảng chuyên dùng phục vụ phát triển du lịch để nối với các nước trong khu vực và thế giới. Tình trạng đó dễ làm mất đi giá trị rất to lớn mà hạt nhân cảng và ngành kinh tế biển có thể mang lại cho mảnh đất này.

Nếu như ở khu vực Hải Phòng hình thành nên được một CLKN mà hạt nhân là cảng Hải Phòng, với sự liên kết phát triển tương hỗ của các ngành kinh tế cảng, kinh tế hàng hải, dịch vụ cảng, dịch vụ du lịch, nghiên cứu, đào tạo... thì sẽ tạo ra được năng lực kinh tế rất lớn không chỉ riêng của Hải Phòng, mà còn cho cả khu vực lãnh thổ này.

Thứ hai, ở khu vực Bắc Trung bộ. Là một địa bàn còn nhiều khó khăn về kinh tế, nhưng hệ thống kết cấu hạ tầng đã được đầu tư phát triển đi trước một bước, nổi bật là cảng Nghi Sơn gắn với nó là khu kinh tế Nghi Sơn; cảng Vũng Áng, gần với nó là khu kinh tế Vũng Áng. Ở đây có tiềm năng phát triển du lịch biển, các loại hình công nghiệp gắn với cảng, công nghiệp năng lượng, chế tạo máy móc thiết bị cảng, thiết bị vận tải, đặc biệt là thiết bị vận tải biển và thiết bị vận tải đường sắt. Các loại hình công nghiệp này bước đầu đã được hình thành, nhưng phát triển còn riêng lẻ, chưa tạo ra được sức mạnh liên kết. Có thể hình thành và phát triển một CLKN, lấy cảng Nghi Sơn và khu công nghiệp Nghi Sơn làm nòng cốt, ưu tiên phát triển cảng, kinh tế biển, sản xuất nhiệt điện, lọc hóa dầu, sản xuất thiết bị bốc dỡ (mà hiện nay vẫn phải nhập ngoại).

Thứ ba, ở khu vực duyên hải Nam Trung bộ. Là một địa bàn có thể đóng vai trò là một CLKN với 3 yếu tố nòng cốt: đó là thành phố du lịch Nha Trang nổi tiếng, cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong, và sân bay quốc tế Cam Ranh. Nếu phát triển một CLKN ở đây sẽ tạo điều kiện để phát huy sức mạnh tổng hợp của 3 yếu tố nêu trên, đẩy nhanh sự phát triển không những cho vùng lãnh thổ này, mà còn có thể liên kết, phối hợp với sự phát triển các loại hình du lịch, cảng biển, lọc hóa dầu, khai khoáng của khu vực Quảng Ngãi, Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận, các tỉnh Tây Nguyên. Phát triển một CLKN ở đây với hạt nhân là vành đai kinh tế Cam Ranh, Nha

Trang, Vân Phong gắn với các địa bàn ngoại vi, thì chúng ta sẽ có một lãnh thổ đầu tàu, có năng lực cạnh tranh rất mạnh không những chỉ ở vùng duyên hải Nam Trung Bộ, mà còn có thể thu hút được cả vùng Đông Bắc Thái Lan và Lào tham gia phát triển CLKN này.

Thứ tư, ở khu vực Đông Nam Bộ. Khu vực lãnh thổ này với rất nhiều thế mạnh để hình thành một CLKN, có thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế lớn, có thành phố biển Vũng Tàu, một hệ thống cảng ở Thị Vải, Cái Mép, Bến Đình ở khu vực Bà Rịa - Vũng Tàu. Cảng biển, kinh tế biển sẽ là hạt nhân của CLKN này. Ở đây sẽ tập trung ưu tiên phát triển các ngành như cảng biển, công nghiệp

khí điện đạm, công nghiệp sản xuất cơ khí nặng, công nghiệp lọc hóa dầu, sản xuất năng lượng, du lịch chất lượng cao, nghiên cứu - triển khai, đào tạo, dịch vụ tài chính, ngân hàng...

Ngoài các khu vực lãnh thổ nêu trên, ở Việt Nam còn hai nơi có thể hội đủ các điều kiện thuận lợi để phát triển các CLKN đặc thù đó là Đà Lạt và vùng phụ cận. Ở đây có thể phát triển một CLKN đối với du lịch, đào tạo, nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí.

Một nơi khác ở phía Bắc là Tam Đảo và vùng phụ cận. Hạt nhân của CLKN đặc thù này là du lịch, nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi, giải trí cao cấp, nghiên cứu - chuyển giao phục vụ nông-lâm nghiệp.

Ngoài ra, còn nhiều nơi khác có thể hình thành và phát triển các CLKN với các thế mạnh khác nhau.

Thực tiễn phát triển vùng nhìn từ góc độ phát triển CLKN với những thế mạnh có thể giúp khai thác các tiềm năng phát triển, liên kết đa ngành, tăng sức mạnh tổng hợp, tăng năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp, của các vùng và cả quốc gia. Vì vậy, chúng tôi kiến nghị nên sớm triển khai nghiên cứu để áp dụng cách tiếp cận phát triển CLKN vào công tác quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng ở Việt Nam, góp phần đổi mới công tác quy hoạch nói chung và qua đó, các CLKN với những ưu việt của chúng, sẽ sớm được hình thành và phát triển ở nước ta. ■



Vịnh Cam Ranh, Nha Trang, Khánh Hòa

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Cluster Development* - <http://www.iec.hbs.edu/econ-clusters.htm>.
2. Christian H. M. Ketels, *The Development of cluster concept - Present experiences and further developments*, Harvard Business School, 2003
3. *Competitive Clusters in France*, French Ministry of Foreign Affairs, 2006
4. *Competitive Clusters in France*, General Directorate for Competitiveness, Industry and Services (DGCIS ex DGE), 2011
5. Trần Hồng Quang, *Báo cáo tổng kết về Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng lãnh thổ*, trình bày tại Hội thảo Tổng kết công tác quy hoạch do Viện Chiến lược phát triển và Tạp chí Kinh tế và Dự báo tổ chức tại Hà Nội ngày 12/12/2011
6. *Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*, Cục Hàng hải Việt Nam.